|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS MỸ TIẾN**  **TỔ: KHOA HỌC TỰ NHIÊN** |  |

**KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II – MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN 6**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chủ đề** |  | **MỨC ĐỘ** | | | | | | | | **Tổng số ý tự luận/ Số câu TN ( Số yêu cầu cần đạt)** | | | | **Điểm số thực tế** | **Điểm số** |
|  | **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | | **Tự luận** | | **Trắc nghiệm** | |
|  | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Thực tế** | **số ý tối đa** | **Thực tế** | **số câu tối đa** |
| *1* | *Số tiết* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |  | *11* |  |  | *12* |
| *1. Đa dạng của Nấm* | *2* |  |  |  |  |  |  |  |  | 1 | 1.3 | 0 | 2.6 | 0.50 | 0.65 |
| *2. Đa dạng thực vật* | *7* |  | **5** | 1 |  |  |  |  |  | 2 | 4.5 | 6 | 9.0 | 2.50 | 2.26 |
| *3. Đa dạng động vật* | *6* |  | **5** | 1 |  | 2 |  |  |  | 2 | 3.9 | 4 | 7.7 | 2.00 | 1.94 |
| *4. Lực* | *16* |  | **10** | 2 |  | 4 |  |  |  | 2 | 10.3 | 10 | 20.6 | 3.50 | 5.16 |
| **Số câu TN/ Số ý TL** |  | **0** | **20** | **4** | **0** | **6** | **0** | **0** | **0** | **10** | **20** | **20** | **40** |  |  |
| **(Số YCCĐ)** |  |
| **Điểm số** |  | **0** | **5** | **2** | **0** | **3** | **0** | **0** | **0** | **5** |  | **5** |  | **10.0** | **10.0** |
| **Tổng số điểm** |  | **5,0 điểm** | | **2,0 điểm** | | **3,0 điểm** | | **0 điểm** | | **10 điểm** | | | | | **10 điểm** |

**BẢN ĐẶC TẢ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung và đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Yêu cầu cần đạt** | | **Số ý TL/Số câu hỏi TN** | | **Câu hỏi** | |
| TL  (số ý) | TN  (số câu) | TL  (số câu) | TN  (số câu) |
| **ĐA DẠNG CỦA NẤM (2 tiết)** | | | |  |  |  |  |
| - Sự đa dạng của Nấm  - Vai trò của nấm  - Một số bệnh do nấm gây ra | **Nhận biết** |  | |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** |  | |  |  |  |  |
| **Vận dụng** | - Thông qua thực hành, quan sát và vẽ được hình nấm (quan sát bằng mắt thường hoặc kính lúp). | | 1 |  |  |  |
| **ĐA DẠNG CỦA THỰC VẬT (7 tiết)** | | | | | | | |
| - Sự đa dạng  - Thực hành | **Nhận biết** | Trình bày được vai trò của thực vật trong đời sống và trong tự nhiên: làm thực phẩm, đồ dùng, bảo vệ môi trường (trồng và bảo vệ cây xanh trong thành phố, trồng cây gây rừng, ...). | |  | **5** |  | C1, 2, 3, 4, 5 |
| **Thông hiểu** | Dựa vào sơ đồ, hình ảnh, mẫu vật, phân biệt được các nhóm thực vật: Thực vật không có mạch (Rêu); Thực vật có mạch, không có hạt (Dương xỉ); Thực vật có mạch, có hạt (Hạt trần); Thực vật có mạch, có hạt, có hoa (Hạt kín). | | 2 |  | C21 |  |
| **Vận dụng** | Quan sát hình ảnh, mẫu vật thực vật và phân chia được thành các nhóm thực vật theo các tiêu chí phân loại đã học. | | 1 |  |  |  |
| **ĐA DẠNG ĐỘNG VẬT (7 tiết)** | | | | | | | |
| - Sự đa dạng  - Thực hành | **Nhận biết** | Nhận biết được các nhóm động vật không xương sống dựa vào quan sát hình ảnh hình thái (hoặc mẫu vật, mô hình) của chúng (Ruột khoang, Giun; Thân mềm, Chân khớp). Gọi được tên một số con vật điển hình. | |  | **2** |  | C6, 7 |
| Nhận biết được các nhóm động vật có xương sống dựa vào quan sát hình ảnh hình thái (hoặc mẫu vật, mô hình) của chúng (Cá, Lưỡng cư, Bò sát, Chim, Thú). Gọi được tên một số con vật điển hình. | |  | **1** |  | C8 |
| Nêu được một số tác hại của động vật trong đời sống. | |  | **2** |  | C9, 10 |
| **Thông hiểu** | Phân biệt được hai nhóm động vật không xương sống và có xương sống. Lấy được ví dụ minh hoạ. | |  |  |  |  |
| **Vận dụng** | Thực hành quan sát (hoặc chụp ảnh) và kể được tên một số động vật quan sát được ngoài thiên nhiên. | | 2 |  | C22 |  |
| **LỰC (16 tiết)** | | | | | | | |
| - Lực và tác dụng của lực  - Lực tiếp xúc và lực không tiếp xúc  - Ma sát  - Khối lượng và trọng lượng  - Biến dạng của lò xo | **Nhận biết** | Lấy được ví dụ để chứng tỏ lực là sự đẩy hoặc sự kéo. |  | | 1 |  | C15 |
| Lấy được ví dụ về tác dụng của lực làm thay đổi tốc độ |  | | 1 |  | C16 |
| Lấy được ví dụ về tác dụng của lực làm thay đổi hướng chuyển động |  | |  |  |  |
| Lấy được ví dụ về tác dụng của lực làm biến dạng vật. |  | | 1 |  | C13 |
| Lấy được ví dụ về lực tiếp xúc. |  | |  |  |  |
| Lấy được ví dụ về lực không tiếp xúc. |  | | 1 |  | C11 |
| Nêu được: Lực tiếp xúc xuất hiện khi vật (hoặc đối tượng) gây ra lực có sự tiếp xúc với vật (hoặc đối tượng) chịu tác dụng của lực |  | | 1 |  | C17 |
| Nêu được: Lực không tiếp xúc xuất hiện khi vật (hoặc đối tượng) gây ra lực không có sự tiếp xúc với vật (hoặc đối tượng) chịu tác dụng của lực |  | |  |  |  |
| Nêu được: Lực ma sát là lực tiếp xúc xuất hiện ở bề mặt tiếp xúc giữa hai vật |  | | 1 |  | C18 |
| Nêu được khái niệm về lực ma sát trượt. |  | |  |  |  |
| Nêu được khái niệm về lực ma sát nghỉ. |  | |  |  |  |
| Nêu được tác dụng cản trở và tác dụng thúc đẩy chuyển động của lực ma sát. |  | |  |  |  |
| Nêu được khái niệm khối lượng (số đo lượng chất của một vật) |  | | 1 |  | C12 |
| Nêu được khái niệm lực hấp dẫn (lực hút giữa các vật có khối lượng |  | | 1 |  | C14 |
| Nêu được khái niệm trọng lượng của vật (độ lớn lực hút của Trái Đất tác dụng lên vật |  | | 1 |  | C19 |
| Sử dụng tranh, ảnh (hình vẽ, học liệu điện tử) để nêu được: Sự tương tác giữa bề mặt của hai vật tạo ra lực ma sát giữa chúng. |  | |  |  |  |
| **Thông hiểu** | Đo được lực bằng lực kế lò xo, đơn vị là niu tơn (Newton, kí hiệu N) (không yêu cầu giải thích nguyên lí đo). |  | |  |  |  |
| Biểu diễn được một lực bằng một mũi tên có điểm đặt tại vật chịu tác dụng lực, có độ lớn và theo hướng của sự kéo hoặc đẩy. | 2 | |  |  | C23 |
| **Vận dụng** | Lấy được ví dụ về một số ảnh hưởng của lực ma sát trong an toàn giao thông đường bộ. | 4 | |  |  | C24a, b |
| Thực hiện thí nghiệm chứng minh được độ giãn của lò xo treo thẳng đứng tỉ lệ với khối lượng của vật treo. |  | |  |  |  |
| - Thực hiện được thí nghiệm chứng tỏ vật chịu tác dụng của lực cản khi chuyển động trong nước (hoặc không khí). |  | |  |  |  |

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II NĂM HỌC 2022 – 2023**

**MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN 6**

Thời gian làm bài 60 phút

**I. TRẮC NGHIỆM (5 điểm)** *Chọn phương án trả lời đúng cho các câu sau*

**Câu 1**. Khả năng làm mát không khí của thực vật có được là nhờ quá trình nào sau đây? A. Quang hợp. B. Thoát hơi nước.

C.Trao đổi chất khoáng chất. D. Hô hấp.

**Câu 2.** Nhờ quá trình nào mà thực vật có khả năng điều hòa khí oxygen và khí carbon dioxide trong không khí?.

A. Quang hợp của cây xanh. B. Hô hấp của cây xanh

C. Hô hấp của động vật. D. Đốt chát các nhiên liệu.

**Câu 3.** Lá nào dưới đây được sử dụng làm thức ăn cho con người?

A. Lá chuối. B. Lá mồng tơi. C. Lá ổi. D. Lá nhãn.

**Câu 4.** Loại cây nào dưới đây được dùng để làm thuốc ?

A. Hoa sữa B. Sâm Ngọc Linh C. Ngô đồng D. Hoa ban

**Câu 5:** Thực vật có vai trò gì đối với động vật?.

A. Cung cấp thức ăn. B. Ngăn lũ lụt.

C. Giữ đất, giữ nước. D.Cung cấp thức ăn, nơi ở.

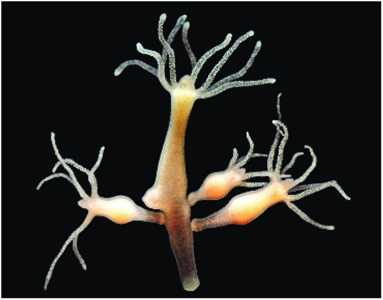
**Câu 6**. Loài nào sau đây là vật truyền bệnh nguy hiểm cho con người?.

A. Mọt ẩm. B. Ve sầu C. Muỗi Anophen D. Tôm.

**Câu 7:** loài nào sau đây gây hại cho cây trồng?.

A. Ngao B. Bạch tuộc C. Ốc bươu vàng. D.Mực.

**Câu 8.** Quan sát H1. Thủy tức là đại diện của ngành nào?



A. Chân khớp. B. Thân mềm

C.Giun tròn. D. Ruột khoang.

H.1 – Thủy tức

**Câu 9.** Đặc điểm nào sau đây là đặc điểm của lớp thú?

A. Đẻ trứng, có lông vũ bao phủ, hô hấp bằng mang

B. Đẻ con, da có vảy sừng, hô hấp bằng phổi

C. Đẻ trứng, có lông vũ bao phủ cơ thể, hô hấp bằng mang

D. Đẻ con, nuôi con bằng sữa, có lông mao bao phủ cơ thể.

**Câu 10.** Nhóm động vật có xương sống là

A. cua, cá mập, chim bồ câu. B. ếch, châu chấu, thằn lằn.

C. cá rô đồng, rắn hổ mang, thỏ. D. cá heo, cua, bạch tuộc.

**Câu 11:**Trong các trường hợp sau đây, trường hợp nào xuất hiện lực**không**tiếp xúc?

A. Em bé đẩy cho chiếc xe đồ chơi rơi xuống đất.

B. Gió thổi làm thuyền chuyển động

C. Cầu thủ đá quả bóng bay vào gôn.

D. Quả táo rơi từ trên cây xuống.

**Câu 12:** Điền vào chỗ trống “…” để được câu hoàn chỉnh:

…. là số đo lượng chất của một vật. Khi không tính bao bì thì khối lượng đó được gọi là khối lượng tịnh.

A. Trọng lượng B. Số đo lực C. Khối lượng D. Độ nặng

**Câu 13:**Trường hợp nào dưới đây, cho thấy vật bị biến dạng?

A. Mũi tên bay xa 5m sau khi được bắn ra khỏi cung tên.

B. Hòn bi bắt đầu lăn trên máng nghiêng.

C. Một người thợ đẩy thùng hàng.

D. Quả bóng ten - nit bay đập vào mặt vợt.

**Câu 14:** Điền vào chỗ trống “…” để được câu hoàn chỉnh:

Mọi vật có khối lượng đều … nhau một lực. Lực này gọi là lực hấp dẫn

A. đẩy B. hút C. kéo D. nén

**Câu 15:**Khi người thợ bắt đầu kéo thùng hàng từ dưới lên trên, người thợ đó đã tác dụng vào thùng hàng một

A. lực đẩy. B. lực nén. C. lực kéo. D. lực ép.

**Câu 16:**Trường hợp nào dưới đây, cho thấy vật bị thay đổi tốc độ?

A. Ấn mạnh tay xuống đệm. B. Ngồi lên một cái yên xe.

C. Cầu thủ đá quả bóng vào lưới. D. Gió thổi làm buồm căng.

**Câu 17.**Điền vào chỗ trống “…” để hoàn chỉnh câu:

Lực tiếp xúc xuất hiện khi vật (hoặc đối tượng) gây ra lực có ….. với vật (hoặc đối tượng) chịu tác dụng của lực.

A. sự tiếp xúc B. sự va chạm C. sự đẩy, sự kéo D. sự tác dụng

**Câu 18.**Lực ma sát xuất hiện ở

A. bề mặt tiếp xúc giữa hai vật và cản trở chuyển động của vật.

B. trên bề mặt vật và cản trở chuyển động của vật.

C. bề mặt tiếp xúc giữa hai vật và thúc đẩy chuyển động của vật.

D. trên bề mặt vật và thúc đẩy chuyển động của vật.

**Câu 19:** Trọng lượng của vật là

A. lực nén của Trái Đất tác dụng lên vật.

B. độ lớn lực hút của Trái Đất tác dụng lên vật.

C. lực đẩy của Trái Đất tác dụng lên vật.

D. khối lượng của vật.

**Câu 20:** Điền vào chỗ trống “…” để được câu hoàn chỉnh:

Lực ma sát trượt là lực ma sát xuất hiện khi có một vật …….. trên bề mặt vật khác.

A. lăn B. đứng yên C. bị nén D. trượt

**II. TỰ LUẬN (5 điểm)**

**Câu 21** *(1,0 điểm)*: Cho các cây sau: 1. Cây mít 2. Cây thông 3. Cây dương xỉ 4. Cây bí ngô

a) Những cây nào thuộc thực vật hạt kín?

b) Đặc điểm nào có ở thưc vật hạt kín mà không có ở các nhóm thực vật khác?.

**Câu 22** *(1,0 điểm)*: Kể tên một số loài thú có ở địa phương em?. Em có nhận xét gì về độ đa dạng của lớp thú ở địa phương em?

**Câu 23** *(1,0 điểm)***:** Hãy vẽ các mũi tên biểu diễn lực kéo chiếc kế có độ lớn theo phương nằm ngang, chiều từ trái sang phải theo tỉ xích 0,5 cm ứng với 5 N.

**Câu 24** *(2,0 điểm)*:

a) Em hãy xây dựng phương án thực hiện một thí nghiệm chứng minh được độ giãn của lò xo treo thẳng đứng tỉ lệ với khối lượng của vật treo.

b) Một lò xo dài thêm 10 cm khi treo vào đầu của nó một vật có trọng lượng 20 N. Tiếp tục treo thêm một vật có trọng lượng 15 N nữa thì lò xo dài bao nhiêu?. Biết chiều dài tự nhiên của lò xo này là 20 cm.

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ 2**

**I. TRẮC NGHIỆM: 5,0 điểm (đúng mỗi câu được 0,25 đ)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| **Đáp án** | B | A | C | B | A | C | C | D | D | C |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 |
| **Đáp án** | D | C | D | B | C | C | A | A | B | D |

**II. TỰ LUẬN**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hướng dẫn chấm** | **Điểm** |
| **Câu 21** *(1,0 điểm)*  a) Những cây thuộc thực vật hạt kín: cây mít, cây bí ngô  b) Đặc điểm chỉ có ở thự vật hạt kín mà không có ở các nhóm thực vật khác là: Có hoa và quả | 0,5  0,5 |
| **Câu 22** *(1,0 điểm)*  - Một số loài thú có ở địa phương em: Con chó, con mèo, con lợn, con bò, con trâu..  - Đa dạng về số lượng loài và môi trường sông. | 0.5  0,5 |
| **Câu 23** *(1,0 điểm)*  5 N  - Biểu diễn được vật và mũi tên  - Biểu diễn đúng phương  - Biểu diễn đúng chiều  - Biểu diễn đúng tỉ xích | 0,25  0,25  0,25  0,25 |
| **Câu 24** *(2,0 điểm)*  a)  - Dụng cụ làm thí nghiệm gồm: 1 lò xo, các quả nặng kim loại có cùng khối lượng 50g, thước có độ chia nhỏ nhất là 1mm.  - Tiến hành thí nghiệm:  + Bước 1: Điều chỉnh để lò xo treo thẳng đứng, có thể đọc rõ độ chia trên thước.  + Bước 2: Đầu tiên, đánh dấu vị trí đầu dưới của lò xo.  + Bước 3: Treo một quả kim loại vào đầu dưới của lò xo, chiều dài của lò xo tăng thêm một đoạn. Phần tăng thêm đó được gọi là độ giãn của lò xo. Đọc và ghi kết quả vào bảng.  + Bước 4: Lần lượt treo thêm các quả kim loại vào đầu dưới của lò xo. Ghi lại các kết quả vào bảng.  b) Khi treo thêm vật nặng 15 N thì tổng trọng lượng treo lên lò xo là  20 + 15 = 35 N  Độ dãn của lò xo khi treo vật nặng có trọng lượng 35 N là  Chiều dài của lò xo khi đó là 20 + 17,5 = 37,5 cm | 0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25 |